

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06/11/2018

“V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly
hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Khải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Đình Sở.

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Đình Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đình Trọng Nho - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2018/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2018/QĐST - DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị M**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 6, phố V, thị trấn T S, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Xóm L G, xã L T, huyện Y T, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Dũng**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 6, phố V, thị trấn T S, huyện M, tỉnh Phú Thọ.

(Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/9/2018, bản tự khai ngày 24/9/2018 nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 chị Mai kết hôn với anh Nguyễn Văn D, có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với mẹ đẻ anh D tại thị trấn T S, thời gian mới kết hôn tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến tháng 5 năm 2013 chị Mai sinh con đầu lòng, cũng thời gian này mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng

thăng, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, bản thân anh D hay cờ bạc, nghiện ma túy, không có sự quan tâm và trách nhiệm gì với vợ con, đến tháng 8 năm 2013 chị M không chịu đựng được cuộc sống chung nên đã về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Nghệ An để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh D để giải phóng cho nhau ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 01/5/2013, hiện cháu đang ở với chị M tại tỉnh Nghệ An từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn chị M xin được nuôi con chung đến khi cháu thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị M với anh D, lấy lời khai của anh trai anh D. Theo kết quả xác minh ngày 28/9/2018 tại khu hành chính phố V, thị trấn T S xác định anh D có hộ khẩu thường trú tại Tổ 6, phố Vàng, thị trấn T S, huyện M, tỉnh Phú Thọ. Chị M và anh D kết hôn năm 2012, trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, nguyên nhân chính là anh D mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy, không tập trung làm ăn kinh tế gia đình, chị M bỏ về với bố mẹ đẻ ở tỉnh Nghệ An từ khoảng tháng 8 năm 2013. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/9/2018 của anh Nguyễn Hữu H là anh trai ruột anh D xác định trong cuộc sống chung vợ chồng giữa anh D và chị M phát sinh mâu thuẫn, lý do là vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, đánh nhau, đến tháng 8 năm 2013 chị M về ở với gia đình chị ở tỉnh Nghệ An, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó đến nay. Theo anh H vợ chồng anh D và chị M ly thân đã lâu, hôn nhân không có hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh H xác định chị M và anh D có một con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 01/5/2013, hiện tại cháu đang ở với chị M từ khi vợ chồng sống ly thân, quan điểm gia đình là để chị M được tiếp tục nuôi con chung vì cháu còn nhỏ, từ khi chị M sinh con đến nay anh D không có trách nhiệm gì với con. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp anh H trình bày chị M và anh D không có. Hiện nay anh D đi làm ăn xa, anh H cũng không biết địa chỉ cụ thể nhưng anh D vẫn gọi điện và thỉnh thoảng về nhà anh H chơi nghỉ ngơi mấy hôm lại đi làm ăn, thời gian gần đây nhất cuối tháng 7 năm 2018 anh D về nhà chơi và ăn cưới bạn bè, anh

H có nói chuyện về việc chị M xin ly hôn, anh D có biết việc đó nhưng anh bảo công việc bận, đi làm ăn xa nên anh không về được, anh đồng ý ly hôn chị M vì xác định tình cảm không còn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 16/10/2018; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn D. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 01/5/2013 cho chị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M tự nguyện không yêu cầu. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/9/2018 chị Trần Thị M nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn D, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Trần Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn D được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị M, anh D là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn ngày 14/02/2012 tại UBND thị trấn T S, huyện M tỉnh Phú Thọ đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính là do anh D chơi

bời cờ bạc, nghiện ma túy, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 8 năm 2013 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau, nội dung này đã được đương sự trình bày tại Tòa án. Kết quả xác minh, biên bản lấy lời khai cũng xác định vợ chồng chị M và anh D có những mâu thuẫn, thực tế anh chị đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M xin ly hôn với anh D là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Mai và anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 01/5/2013, hiện cháu đang ở với chị M. Hội đồng xét xử xét thấy rằng từ khi chị M sinh con đến nay anh D không quan tâm hoặc chu cấp gì để chị M nuôi con, anh D không có trách nhiệm với con chung, cháu H còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo sự phát triển bình thường, có điều kiện ăn học tốt nhất, phát triển toàn diện, tránh được sự sáo trộn về tâm lý cũng như ảnh hưởng đến việc học tập của cháu H cần giao con chung của anh chị cho chị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị M xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị M phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị M đối với anh Nguyễn Văn D. Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh H, sinh ngày 01/5/2013 cho chị Trần Thị M được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M tự nguyện không yêu cầu. Sau khi ly hôn anh D không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001481 ngày 24/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, thị trấn nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND thị trấn Mường Tè; huyện Mường Tè
- Tỉnh Lai Châu;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Quang Khải